

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 14/06/2025 và từ nhiệm ngày 20/09/2025)
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	(Từ nhiệm từ ngày 14/06/2025)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Mai Hiền	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 05/03/2025)
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm từ ngày 16/12/2025)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban	
Bà Phí Minh Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2024)
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Vũ Văn Chính – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 01/01/2025 và tại thời điểm 31/12/2025. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2. Tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu và xác nhận đối với một số khoản công nợ sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tại ngày 31/12/2025</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	22,901 tỷ VND	13,761 tỷ VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2,829 tỷ VND	3,988 tỷ VND
- Phải thu khác ngắn hạn	136	5,586 tỷ VND	7,447 tỷ VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	6,326 tỷ VND	12,462 tỷ VND
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5,655 tỷ VND	0,706 tỷ VND
- Phải trả khác ngắn hạn	319	6,481 tỷ VND	3,988 tỷ VND
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0,709 tỷ VND	

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể khẳng định được tính đầy đủ, hiện hữu, cũng như không thể đánh giá được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) của các khoản mục nêu trên đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty.

3. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đối với đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu đang được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu của Công ty tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

4. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan làm căn cứ cho việc ghi nhận một số khoản doanh thu trong năm 2025 với tổng số tiền là 7,741 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản doanh thu này cũng như những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với chỉ tiêu doanh thu và các chỉ tiêu có liên quan khác trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		93.995.499.989	109.187.729.072
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.331.568.164	3.359.529.033
111	1. Tiền		4.331.568.164	3.359.529.033
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	3.956.398.184
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.956.398.184
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.818.192.348	54.754.940.418
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.218.886.995	35.063.889.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.229.327.479	4.582.156.005
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.624.661.974	15.108.894.746
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.254.684.100)	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	33.471.614.185	46.342.241.072
141	1. Hàng tồn kho		33.471.614.185	46.342.241.072
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		374.125.292	774.620.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	251.243.069	458.434.398
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.027.362	93.729.662
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	88.854.861	222.456.305
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.395.059.532	53.781.890.273
220	II. Tài sản cố định		43.115.884.127	44.800.533.160
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	43.115.884.127	44.800.533.160
222	- Nguyên giá		70.987.645.180	73.444.340.181
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.871.761.053)	(28.643.807.021)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		326.820.000	326.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(326.820.000)	(326.820.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		612.576.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		612.576.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.951.958.799	7.951.958.799
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.696.000.000	4.696.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.595.723.669
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(389.764.870)	(389.764.870)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		714.640.606	1.029.398.314
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	714.640.606	1.029.398.314
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		146.390.559.521	162.969.619.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		92.843.743.953	95.027.256.261
310	I. Nợ ngắn hạn		85.558.442.285	83.029.436.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	28.963.980.272	30.173.708.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.654.351.868	6.732.531.015
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.539.290.539	2.599.561.321
314	4. Phải trả người lao động		1.494.741.656	1.596.556.710
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.536.089.878	2.059.694.738
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.246.390.909	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.614.831.510	13.472.622.215
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	25.508.765.653	26.298.944.124
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	95.817.983
330	II. Nợ dài hạn		7.285.301.668	11.997.819.428
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	1.437.000.000	1.437.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	5.848.301.668	10.560.819.428
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		53.546.815.568	67.942.363.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	53.546.815.568	67.942.363.084
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.995.748.115	18.995.748.115
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.448.932.547)	4.946.614.969
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.946.614.969	4.336.727.522
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(14.395.547.516)	609.887.447
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.390.559.521	162.969.619.345


 Nguyễn Thị Tú
 Người lập


 Nguyễn Thị Tú
 Kế toán trưởng


 Vũ Văn Chính
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	50.251.343.189	41.812.063.891
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.251.343.189	41.812.063.891
11	4. Giá vốn hàng bán	23	34.592.898.856	24.088.685.394
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.658.444.333	17.723.378.497
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	801.193.194	1.948.535.164
22	7. Chi phí tài chính	25	3.038.787.319	4.180.564.776
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.038.787.319	3.790.799.906
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.034.234.597	14.318.159.267
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(613.384.389)	1.173.189.618
31	11. Thu nhập khác	27	180.750.413	318.299.026
32	12. Chi phí khác	28	13.796.635.395	701.287.975
40	13. Lợi nhuận khác		(13.615.884.982)	(382.988.949)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(14.229.269.371)	790.200.669
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	166.278.145	180.313.222
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.395.547.516)	609.887.447

Nguyễn Thị Tú
Người lậpNguyễn Thị Tú
Kế toán trưởngVũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(14.229.269.371)	790.200.669
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.716.221.589	2.171.605.989
03	- Các khoản dự phòng		1.254.684.100	389.764.870
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(980.811.687)	(2.048.535.102)
06	- Chi phí lãi vay		3.038.787.319	3.790.799.906
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.200.388.050)	5.093.836.332
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.124.632.286)	8.825.871.118
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.870.626.887	(3.088.907.314)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.571.259.437	270.258.929
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		521.949.037	362.410.001
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.174.010.191)	(2.181.649.181)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(187.312.804)	(125.594.061)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.438.210)	(45.246.903)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.180.053.820	9.110.978.921
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.974.306.840)	(941.407.394)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		511.397.004	364.488.418
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.956.398.184)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.956.398.184	3.852.063.069
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		801.193.194	1.948.535.164
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.294.681.542	1.267.281.073
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.782.760.475	17.177.398.454
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(11.285.456.706)	(26.872.290.903)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.502.696.231)	(9.694.892.449)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		972.039.131	683.367.545
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.359.529.033	2.676.161.488
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.331.568.164	3.359.529.033


Nguyễn Thị Tú
Người lập

Nguyễn Thị Tú
Kế toán trưởngVũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 44.000.000.000 VND; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 98 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 110 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 3, toà nhà số 2, ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Kim Liên, Hà Nội
Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (HEC 12) (*)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 6, toà nhà số 2, Ngõ 95 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty Tư vấn Số 12 - Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại Hà Nội (HEC 12) (**)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Tầng 6, toà nhà số 2, ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Kim Liên, Hà Nội
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, Phường Kim Liên, Hà Nội
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 10 Phố Tân Lập, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty tại tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 100, Mai Hắc Đế, Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Dịch vụ in ấn	Số 107 phố Chùa Bộc, Phường Kim Liên, Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	Số 61/33 Bình Giã, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(*) Chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 04/2025/QĐ-HĐQT từ ngày 04/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

(**) Thành lập theo Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 29/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty và bắt đầu hoạt động từ ngày 15/11/2024.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí tạm tính theo khối lượng hoàn thành... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn của dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.056.320.312	1.061.862.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.275.247.852	2.297.666.090
	<u>4.331.568.164</u>	<u>3.359.529.033</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.956.398.184	-
	-	-	3.956.398.184	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	4.696.000.000	(389.764.870)	4.696.000.000	(389.764.870)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	510.000.000	(389.764.870)	510.000.000	(389.764.870)
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-
	8.341.723.669	(389.764.870)	8.341.723.669	(389.764.870)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:		Nơi thành lập và hoạt động		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Tên Công ty						
Công ty con						
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3		Khánh Hòa		58,76%	58,76%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4		Quảng Ngãi		50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng
- Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC		Hà Nội		51,00%	51,00%	Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2		Ninh Bình		30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện (*)		Hà Nội		76,92%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Đơn vị khác						
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương		Hà Nội		18,92%	18,92%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

(*) Tỷ lệ lợi ích được xác định theo số vốn thực góp của các bên.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTP
 Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thủy lợi 7	2.198.219.000	(1.019.354.100)	2.416.210.000	-
- Ban QLDA Sông Tích	-	-	1.217.413.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ	892.166.000	-	720.843.000	-
- Ban QLDA Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Thanh Hoá	1.549.598.000	-	1.549.598.000	-
- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn TP.Hà Nội	428.627.923	-	428.627.923	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông TP.Hà Nội	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	260.525.000	-	260.525.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Vinacco	3.831.848.000	-	4.455.582.000	-
- Vụ đề điều - Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công trình Mặt				
cát Sông Hồng	24.426.903.072	(235.330.000)	22.384.090.744	-
- Phải thu khách hàng khác				
	35.218.886.995	(1.254.684.100)	35.063.889.667	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.467.682.240	-	1.834.863.616	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.380.000.000	-	1.484.598.616	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.087.682.240	-	-	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	-	-	350.265.000	-
Bên khác	3.761.645.239	-	2.747.292.389	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư HNC Hà Nội	644.624.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.117.021.239	-	2.747.292.389	-
	7.229.327.479	-	4.582.156.005	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nội dung				
Phải thu người lao động	5.880.000	-	5.482.845.334	-
Tạm ứng	13.150.550.354	-	9.034.682.492	-
Ký cược, ký quỹ	450.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.018.231.620	-	591.366.920	-
	14.624.661.974	-	15.108.894.746	-
Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu đối tượng khác	14.624.661.974	-	15.108.894.746	-
	14.624.661.974	-	15.108.894.746	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành
phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Tư vấn NN và PTNT Vĩnh Phúc	235.330.000	-	-	-
- Ban QL Đầu tư và XD Thủy Lợi 7	1.019.354.100	-	-	-
	<u>1.254.684.100</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	55.150.079.875	8.756.950.004	8.616.449.616	920.860.686	73.444.340.181
- Mua trong năm	1.361.730.840	-	-	-	1.361.730.840
- Thanh lý, nhượng bán	(608.593.114)	-	(3.209.832.727)	-	(3.818.425.841)
Số dư cuối năm	55.903.217.601	8.756.950.004	5.406.616.889	920.860.686	70.987.645.180
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.268.571.923	8.506.124.000	8.211.522.558	657.588.540	28.643.807.021
- Khấu hao trong năm	2.323.132.160	62.405.724	241.906.948	88.776.757	2.716.221.589
- Thanh lý, nhượng bán	(348.064.234)	-	(3.140.203.323)	-	(3.488.267.557)
Số dư cuối năm	13.243.639.849	8.568.529.724	5.313.226.183	746.365.297	27.871.761.053
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	43.881.507.952	250.826.004	404.927.058	263.272.146	44.800.533.160
Tại ngày cuối năm	42.659.577.752	188.420.280	93.390.706	174.495.389	43.115.884.127

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.873.543.410 VND.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tại thời điểm 31/12/2025, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 326.820.000 VND.

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	355.931.564	-	378.096.964	-
Công cụ, dụng cụ	103.872.831	-	107.738.688	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.011.809.790	-	45.856.405.420	-
	33.471.614.185	-	46.342.241.072	-

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	251.243.069	458.434.398
	251.243.069	458.434.398
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	607.785.440	865.449.107
Chi phí trả trước dài hạn khác	106.855.166	163.949.207
	714.640.606	1.029.398.314

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	1.605.039.000	2.857.989.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP	-	1.827.465.000
Sở nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình	1.455.318.000	-
Các khoản người mua trả trước khác	3.593.994.868	2.047.077.015
	6.654.351.868	6.732.531.015

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên liên quan				
- CTCP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	907.572.000	907.572.000	1.012.572.000	1.012.572.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	6.885.830.135	6.885.830.135	6.519.502.000	6.519.502.000
- CTCP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	3.094.152.227	3.094.152.227	3.070.571.000	3.070.571.000
Bên khác	18.076.425.910	18.076.425.910	19.571.063.727	19.571.063.727
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa	1.019.219.000	1.019.219.000	1.019.219.000	1.019.219.000
- CTCP Tư vấn Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- CTCP Lahills Hòa Bình - thiết kế kiến trúc	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
- CTCP SSD Việt Nam	1.332.388.489	1.332.388.489	2.296.077.516	2.296.077.516
- Phải trả nhà cung cấp khác	9.149.224.421	9.149.224.421	9.680.173.211	9.680.173.211
	28.963.980.272	28.963.980.272	30.173.708.727	30.173.708.727

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	202.297.105	798.986.923	4.557.352.438	3.113.982.661	64.696.272	2.104.755.867
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	118.251.254	173.277.726	187.312.804	-	104.216.176
Thuế Thu nhập cá nhân	-	98.713.102	138.960.650	157.055.319	3.999.389	84.617.822
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	1.514.800.934	2.444.976.650	1.730.178.462	-	2.229.599.122
Các loại thuế khác	20.159.200	-	56.563.233	40.461.681	20.159.200	16.101.552
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68.809.108	-	68.809.108	-	-
	222.456.305	2.599.561.321	7.371.130.697	5.297.800.035	88.854.861	4.539.290.539

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

 Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.498.765.360	1.633.988.232
- Trích trước khối lượng hoàn thành dự án xây dựng sân thể thao	1.271.519.618	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn B phụ theo khối lượng nghiệm thu	1.733.056.889	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng	32.748.011	425.706.506
	6.536.089.878	2.059.694.738

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.246.390.909	-
	1.246.390.909	-
b) Dài hạn		
- Doanh thu giám sát tác giả	1.437.000.000	1.437.000.000
	1.437.000.000	1.437.000.000

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	2.900.286.038	2.587.089.438
- Bảo hiểm xã hội	292.748.757	1.152.637.650
- Bảo hiểm y tế	-	336.890.011
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	164.641.360
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.074.950.937	1.074.950.937
- Phải trả Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	-	638.199.355
- Các khoản tiền phải trả cán bộ nhân viên	3.025.021.168	2.985.923.329
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	202.900.798	468.411.300
- Phải trả người lao động về trợ cấp thôi việc	1.280.028.333	1.469.487.333
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.838.895.479	2.594.391.502
	10.614.831.510	13.472.622.215
Chi tiết theo đối tượng		
Bên khác		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình thủy lợi Bình Thuận	-	638.199.355
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	202.900.798	468.411.300
- Bảo hiểm xã hội quận Đống Đa	292.748.756	1.654.169.020
- Phải trả các đối tượng khác	10.119.181.956	10.711.842.540
	10.614.831.510	13.472.622.215

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
19 . VAY						
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	25.158.944.124	25.158.944.124	5.782.760.475	8.359.197.826	22.582.506.773	22.582.506.773
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽¹⁾	6.610.670.223	6.610.670.223	670.157.220	7.280.827.443	-	-
- Vay cá nhân ⁽²⁾	-	-	3.065.603.255	508.370.383	2.557.232.872	2.557.232.872
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	18.548.273.901	18.548.273.901	2.047.000.000	570.000.000	20.025.273.901	20.025.273.901
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	1.140.000.000	1.140.000.000	2.926.258.880	1.140.000.000	2.926.258.880	2.926.258.880
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	1.140.000.000	1.140.000.000	2.926.258.880	1.140.000.000	2.926.258.880	2.926.258.880
	<u>26.298.944.124</u>	<u>26.298.944.124</u>	<u>8.709.019.355</u>	<u>9.499.197.826</u>	<u>25.508.765.653</u>	<u>25.508.765.653</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽³⁾	11.700.819.428	11.700.819.428	-	2.926.258.880	8.774.560.548	8.774.560.548
	<u>11.700.819.428</u>	<u>11.700.819.428</u>	<u>-</u>	<u>2.926.258.880</u>	<u>8.774.560.548</u>	<u>8.774.560.548</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)	(2.926.258.880)	(1.140.000.000)	(2.926.258.880)	(2.926.258.880)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>10.560.819.428</u>	<u>10.560.819.428</u>			<u>5.848.301.668</u>	<u>5.848.301.668</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/11120466/HĐTD ngày 10/06/2025, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và công ty với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C cho Công ty phục vụ kế hoạch kinh doanh trong năm 2025;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh khi có thông báo của Ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 2.557.232.872 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/11120466/HĐBĐ ngày 05/02/2022 với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo.
- (2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2025 là: 20.025.273.901 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Hợp đồng tín dụng số 02/2022/11120466/HĐTD ngày 28/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và Công ty với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ VND;
 - + Mục đích vay: Sửa chữa trụ sở văn phòng Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 10,9%/năm cố định trong 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 8.774.560.548 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.926.258.880 VND;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/11120466/HĐBĐ ngày 05/02/2022 với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000		18.995.748.115	4.336.727.522		67.332.475.637
Lãi trong năm trước	-		-	609.887.447		609.887.447
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000		18.995.748.115	4.946.614.969		67.942.363.084
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000		18.995.748.115	4.946.614.969		67.942.363.084
Lãi trong năm nay	-		-	(14.395.547.516)		(14.395.547.516)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000		18.995.748.115	(9.448.932.547)		53.546.815.568
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ		
	VND		VND			
Nguyễn Hoàng Linh	14.410.000.000	32,75%	14.410.000.000	32,75%		
CTCP Đầu tư Phát triển Asia Global	7.150.000.000	16,25%	-	0,00%		
Các cổ đông khác	22.440.000.000	51,00%	29.590.000.000	67,25%		
	44.000.000.000	100%	44.000.000.000	100%		



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.074.950.937	1.076.075.937
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.074.950.937	1.076.075.937

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.995.748.115	18.995.748.115
	18.995.748.115	18.995.748.115

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bần Yên Nhân, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đồng Đa, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, phường Vĩnh Phú, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại phường Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Thời hạn thuê đất 50 năm tính từ ngày 01/01/1997. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.251.343.189	41.812.063.891
	50.251.343.189	41.812.063.891
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	409.090.909	-

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.592.898.856	24.088.685.394
	34.592.898.856	24.088.685.394
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	628.034.178	125.601.974

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	(23.782.806)	248.816.164
Cổ tức, lợi nhuận được chia	824.976.000	1.699.719.000
	801.193.194	1.948.535.164
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	383.180.000	574.290.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.038.787.319	3.790.799.906
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	389.764.870
	3.038.787.319	4.180.564.776

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	617.484.539	238.718.837
Chi phí nhân công	4.075.882.499	5.184.710.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.399.770.255	1.803.014.929
Thuế, phí, lệ phí	2.640.563.005	2.262.306.969
Chi phí dự phòng (*)	1.254.684.100	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.338.523	1.832.462.328
Chi phí khác bằng tiền	1.192.511.676	2.996.946.142
	14.034.234.597	14.318.159.267

(*) Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP về việc "Xử lý các khoản chi phí dở dang và trích lập dự phòng phải thu khó đòi", Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi theo quy định.

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	179.618.493	99.999.938
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	218.293.886
Thu nhập khác	1.131.920	5.202
	180.750.413	318.299.026

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại của vật tư công cụ	-	244.599.267
Chi phí ứng lương và dở dang tồn đọng (*)	13.389.695.616	-
Các khoản bị phạt	406.939.779	80.296.029
Chi phí khác	-	376.392.679
	13.796.635.395	701.287.975

(*) Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 30/12/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP về việc "Xử lý các khoản chi phí dở dang và trích lập dự phòng phải thu khó đòi", Công ty ghi nhận toàn bộ khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình không còn khả năng được nghiệm thu vào chi phí khác trong năm 2025.

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.229.269.371)	790.200.669
Các khoản điều chỉnh tăng	15.885.636.094	1.811.084.440
- Chi phí không hợp lệ	14.764.369.269	86.318.338
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.121.266.825	1.724.766.102
Các khoản điều chỉnh giảm	(824.976.000)	(1.699.719.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(824.976.000)	(1.699.719.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	831.390.723	901.566.109
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	166.278.145	180.313.222
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN kỳ này	6.999.581	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	118.251.254	63.532.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(187.312.804)	(125.594.061)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	104.216.176	118.251.254

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.152.635.596	4.625.771.752
Chi phí nhân công	12.904.404.266	20.486.328.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.716.221.589	2.171.605.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.194.709.418	8.586.312.143
Chi phí khác bằng tiền	1.563.733.136	5.862.079.620
	42.531.704.005	41.732.097.892

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	3.275.247.852	-	-	3.275.247.852
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.843.548.969	-	-	49.843.548.969
	<u>53.118.796.821</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>53.118.796.821</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	2.297.666.090	-	-	2.297.666.090
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.172.784.413	-	-	50.172.784.413
Các khoản cho vay	3.956.398.184	-	-	3.956.398.184
	<u>56.426.848.687</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>56.426.848.687</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	25.508.765.653	5.848.301.668	-	31.357.067.321
Phải trả người bán, phải trả khác	39.578.811.782	-	-	39.578.811.782
Chi phí phải trả	6.536.089.878	-	-	6.536.089.878
	<u>71.623.667.313</u>	<u>5.848.301.668</u>	<u>-</u>	<u>77.471.968.981</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	26.298.944.124	10.560.819.428	-	36.859.763.552
Phải trả người bán, phải trả khác	43.646.330.942	-	-	43.646.330.942
Chi phí phải trả	2.059.694.738	-	-	2.059.694.738
	<u>72.004.969.804</u>	<u>10.560.819.428</u>	<u>-</u>	<u>82.565.789.232</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 29/01/2026, Công ty đã gửi Công văn số 26/HEC-VP tới UBCK về việc xin rút hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ để thực hiện hoàn thiện lại hồ sơ đăng ký.

Ngoài các sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Doanh thu		409.090.909	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	409.090.909	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		628.034.178	125.601.974
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	628.034.178	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	-	40.495.370
Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ HEC	Công ty con	-	85.106.604

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Cổ tức nhận được		383.180.000	574.290.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	102.830.000	293.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	125.350.000	175.490.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	50.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
Mối quan hệ		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/06/2025 và từ nhiệm ngày 20/09/2025)	9.000.000	18.000.000
Ông Lý Thái Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/06/2025)	16.500.000	36.000.000
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Phí Minh Trang	Thành viên BKS	6.000.000	3.000.000
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	6.000.000	6.000.000
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Hữu Cường	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	226.450.000	102.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/06/2025 và từ nhiệm ngày 20/09/2025)	6.500.000	-
Ông Lý Thái Hải	Thành viên HĐQT	7.000.000	10.500.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	6.500.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	177.800.000	96.800.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/06/2025)/ Phó Tổng Giám đốc	73.672.000	64.819.111
Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	290.300.000	560.083.333
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 16/12/2025)	-	30.570.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Đinh Mai Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/03/2025)	160.486.000	-
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	122.000.000	116.666.667
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/07/2024)	-	202.550.000
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	2.000.000	-
Bà Phí Minh Trang	Thành viên BKS	8.300.000	-
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	2.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú
Người lập

Nguyễn Thị Tú
Kế toán trưởng



Vũ Văn Chinh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:64...../HEC-TCKT

V/v Giải trình nguyên nhân có ý kiến kiểm
toán ngoại trừ tại BCTC riêng năm 2025

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổng công ty Tư Vấn Xây dựng Thủy Lợi Việt Nam (Mã CK: HEJ) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán độc lập số 310326.035/BCTC.KT2 ngày 31/03/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC (là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính của HEJ trong các năm 2023, 2024, 2025). Đơn vị kiểm toán đã nêu hai (04) ý kiến ngoại trừ, bao gồm:

1. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán: *"Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 01/01/2025 và tại thời điểm 31/12/2025. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.."*

Nguyên nhân: Căn cứ các hợp đồng về việc HEJ ủy quyền cho các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty ký kết với các chủ đầu tư, các đơn vị này đã trực tiếp thực hiện việc sản xuất kinh doanh. Các công trình đã được thực hiện phần lớn công việc và có những công trình đã thực hiện 100% công việc. Tuy nhiên, một số chủ đầu tư của các Ban Quản Lý trực thuộc các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại các tỉnh thành chưa được phê duyệt vốn thanh toán nên các chi phí thực hiện công trình vẫn nằm tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Tổng công ty để chờ nghiệm thu thanh toán.

Phương án khắc phục: Tổng công ty sẽ thực hiện việc tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán từ các Chủ đầu tư. Đồng thời đã xử lý khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình không có khả năng thu hồi công nợ vào chi phí khác trong kỳ.

2. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán: “Tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu và xác nhận đối với một số khoản công nợ sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Mã số</u>	<u>Tại ngày 31/12/2025</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	28,292 tỷ VND	13,761 tỷ VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4,108 tỷ VND	3,988 tỷ VND
- Phải thu khác ngắn hạn	136	14,782 tỷ VND	7,447 tỷ VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	5,217 tỷ VND	12,462 tỷ VND
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5,873 tỷ VND	0,706 tỷ VND
- Phải trả khác ngắn hạn	319	6,790 tỷ VND	3,988 tỷ VND
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0,890 tỷ VND	

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể khẳng định được tính đầy đủ, hiện hữu, cũng như không thể đánh giá được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) của các khoản mục nêu trên đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty”

Nguyên nhân: Theo quy định, tại ngày 31/12/2025, HEJ đã lập và gửi các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tới tất cả các khách hàng và nhà cung cấp của Tổng Công ty. Theo đó, đối tượng khách hàng của Tổng công ty hầu hết là các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các Sở, Ban, Ngành tại địa phương có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và có trụ sở nằm rải rác trên khắp các tỉnh thành trong cả nước. Đồng thời, do đang trong giai đoạn tái cấu trúc, sát nhập các Bộ ban ngành theo quy định của Chính phủ nên các sở ban ngành đang chưa có bộ máy tổ chức ổn định để Tổng công ty liên hệ và xác nhận đối chiếu công nợ. Vì các lý do khách quan, tính đến thời điểm kiểm toán, HEJ vẫn chưa nhận được hết tất cả các biên bản đối chiếu, xác nhận từ các đối tượng khách hàng nêu trên. Do đó, trên BCTC riêng của Tổng công ty vẫn còn tồn tại một số khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2025 như ý kiến của Đơn vị Kiểm toán đã nêu.

Phương án khắc phục: Tổng công ty sẽ thực hiện việc tăng cường đối chiếu và thu hồi công nợ từ các chủ đầu tư sau khi các Bộ ban ngành ổn định trong năm 2026.

3. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán: “ Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đối với đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu đang được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu của Công ty tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025, do đó chúng



Nguyên nhân: Do đặc thù sản phẩm của HEC chủ yếu là khảo sát thiết kế các công trình thủy lợi dùng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; Thời gian thi công các công trình thường kéo dài nên đến khi kết thúc công trình mới được thanh toán các khoản chi phí giám sát tác giả nên các khoản trên có khả năng thu hồi.

4. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán: “*Tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan làm căn cứ cho việc ghi nhận một số khoản doanh thu trong năm 2025 với tổng số tiền là 7,741 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản doanh thu này cũng như những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với chỉ tiêu doanh thu và các chỉ tiêu có liên quan khác trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty hay không.*”

Phương án khắc phục: Tổng công ty sẽ thực hiện việc tăng cường thu hồi và lưu trữ hồ sơ nghiệm thu với các chủ đầu tư theo đúng quy định hợp đồng.

Trân trọng./.

- Như trên
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Chính